

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2021

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Ông Phạm Công Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2021/QĐ-ST ngày 02/7/2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Thúy Q**, sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHT: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1986.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Ng, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện đang lao động tại : Nhật Bản (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị **Dương Thúy Q** trình bày: Chị và anh **Đ** tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 06/3/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Tháng 4 năm 2013 anh **Đ** sang Nhật Bản lao động, từ khi đi đến nay anh **Đ** chưa về Việt Nam. Thời gian đầu vợ chồng có

liên lạc với nhau, từ năm 2018 vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm tới nhau, sau đó chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 2 con chung là Bùi Thị Hà L, sinh ngày 29/6/2009 và Bùi Thành Đ, sinh ngày 13/02/2013. Hiện tại hai con chung đang ở với bà nội. Nay ly hôn ban đầu chị có nguyện vọng được nuôi hai con, tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho con. Quá trình giải quyết vụ án, chị Q thay đổi quan điểm, chị đồng ý để anh Đ nuôi con chung là Bùi Thị Hà L, còn chị nuôi con chung là Bùi Thành Đ. Hai bên không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Phạm Thị M là mẹ đẻ anh Đ xác định: Anh Đ đi Nhật Bản lao động từ năm 2014, từ khi đi đến nay anh Đ chưa về Việt Nam. Địa chỉ cụ thể thì bà không biết, nhưng anh Đ thường xuyên liên lạc qua điện thoại với gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Đ biết. Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh Đ, chị Q sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Thời gian anh Đ ở Việt Nam, chị Q đã nhiều lần làm đơn ly hôn, nhưng được gia đình khuyên bảo, hòa giải nên chị Q không nộp đơn ly hôn. Khoảng năm 2018 chị Q đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, không còn ở nhà bà, do công việc bận nên chị Q để lại hai con cho bà chăm sóc, đến cuối tuần mới đón con. Sau khi nhận các văn bản tố tụng, bà đã thông báo cho anh Đ biết. Anh Đ có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Về con chung anh Đ có nguyện vọng mỗi người nuôi một con, tùy thuộc vào nguyện vọng của các con. Trong thời gian anh không ở Việt Nam, anh ủy quyền cho bà M chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do điều kiện không về Việt Nam để giải quyết ly hôn, nên anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bà M nhất trí sự ủy quyền của anh Đ về việc nuôi con chung.

Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân xã T thể hiện: Anh Đ, chị Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình G. Hiện tại anh Đ ở nước ngoài, không có mặt tại địa phương, chị Q về nhà mẹ đẻ sinh sống và đi làm công ty, để lại hai con cho mẹ chồng chăm sóc, cuối tuần đón các con. Nguyên nhân mâu thuẫn có thể do hai bên sống xa nhau quá lâu, không có sự thông cảm, chia sẻ. Nay chị Q có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung của chị Q, anh Đ là Bùi Thị Hà L có nguyện vọng được ở với anh Đ và bà nội, cháu Bùi Thành Đ có nguyện vọng được ở với cả bố và mẹ khi bố mẹ ly hôn .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS), bị đơn thực hiện chưa đúng quy định của BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Q được ly hôn anh Đ. Về con chung: Giao con chung là Bùi Thị Hà L, sinh ngày 29/6/2009, cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Thành Đ, sinh ngày 13/02/2013 cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Đ không ở Việt Nam, tạm giao cháu L cho bà Phạm Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Dương Thúy Q khởi kiện bị đơn anh Bùi Văn Đ có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Nhật Bản nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Q không cung cấp được địa chỉ của anh Đ ở nước ngoài. Anh Đ thường xuyên liên lạc điện thoại với mẹ đẻ là bà Phạm Thị M. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã đề nghị người thân của anh Đ cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Sau khi nhận các văn bản tố tụng, gia đình đã thông báo cho anh Đ biết việc Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị Q và anh Đ. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ có quan điểm ủy quyền cho mẹ đẻ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Linh nên Tòa án xác định bà M là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Đ vẫn vắng mặt. Bà M, chị Q có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thúy Q và anh Bùi Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 06/3/2009 nên hôn của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có sự tin tưởng lẫn nhau. Năm 2014 anh Đ đi Nhật Bản lao động, từ khi đi anh Đ chưa về Việt Nam lần nào và chấm dứt liên lạc với chị Q từ năm 2018, không quan tâm gì tới gia đình, vợ

con. Chị Q về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2018 cho đến nay. Thông qua gia đình, anh Đ cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh có quan điểm đồng ý ly hôn. Mâu thuẫn giữa chị Q, anh Đ được chứng minh thông qua lời khai của đại diện gia đình anh Đ, quan điểm của địa phương và của các đương sự. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh Đ đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Q ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Dương Thúy Q và anh Bùi Văn Đ có hai con chung là Bùi Thị Hà L, sinh ngày 29/6/2009 và Bùi Thành Đ, sinh ngày 13/02/2013. Hiện đang ở với bà nội. Xét về thực tế chị Q đi làm công nhân thu nhập không cao, thời gian bận nên chỉ có nguyện vọng được nuôi một con. Do đó cần chấp nhận giao cho anh Đam nuôi con chung là Bùi Thị Hà L, giao cho chị Q nuôi con chung là Bùi Thành Đ là đảm bảo nguyện vọng của các đương sự và phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh Đ không ở Việt Nam, tạm giao cháu L cho bà M chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q, anh Đ không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thúy Q phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Dương Thúy Q** ly hôn anh **Bùi Văn Đ**.
2. Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn Đ nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Thị Hà L, sinh ngày 29/6/2009. Giao cho chị Dương Thúy Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Bùi Thành Đ, sinh ngày

13/02/2013 kể từ tháng 7/2021 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Trong thời gian anh Đ không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu Bùi Thị Hà L cho bà Phạm Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng.

Không ai được cản trở anh Bùi Văn Đ và chị Dương Thúy Q thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Dương Thúy Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình). Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2018/0005806 ngày 23/3/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thúy Q, bà Phạm Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Bùi Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục T.H.A DS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã T, B;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân